

Bản án số: 250/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 26/11/2020

V/v tranh chấp "Ly hôn"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

**\* Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Huỳnh Văn Dũng**

2. Ông **Võ Văn Cường**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Kim Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 26 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 546/2020/TLST-HNGĐ ngày 01/10/2020 về việc tranh chấp “*Xin Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 260/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Phan Văn H**, sinh năm: 1958.

Địa chỉ: Số 313A, tổ 22, khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Ông H có mặt tại phiên tòa; bà T vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Theo Đơn khởi kiện đề ngày 25/8/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phan Văn H trình bày:* Ông và bà T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2019, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 05/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm nên không hạnh phúc. Ông, bà đã tự cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 05/2020 đến nay. Nay ông yêu cầu xin ly hôn với bà T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- *Theo Tờ tự khai ngày 25/8/2020, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:* Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung thống nhất với trình bày của ông H. Nay bà cũng đồng ý ly hôn với ông H.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như trên. Bị đơn vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1]. Về tố tụng:**

- *Về việc vắng mặt của đương sự:* Xét thấy, bà Nguyễn Thị T là bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét đơn xin xét xử vắng mặt của bà T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo đơn yêu cầu của bị đơn.

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ông H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc hôn nhân của ông và bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn trong vụ án có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Về quan hệ tranh chấp:* Ông H có đơn yêu cầu xin ly hôn với bà T nên xác định đây là tranh chấp Ly hôn theo quy định tại các Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

#### **[2]. Về nội dung vụ án:**

2.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Phan Văn H và bà Nguyễn Thị T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2019, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Cái Bè số 89 ngày 20/8/2019. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 05/2020 thì phát sinh mâu thuẫn và cắt đứt quan hệ vợ chồng luôn từ đó đến nay. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm nên không hạnh phúc. Mặc dù bà T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng theo bản khai đề ngày 25/8/2020 bà T cũng đồng ý ly hôn với ông H. Lẽ ra công nhận sự thuận tình ly hôn của ông, bà nhưng do bà T có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Như vậy, chứng tỏ tình cảm vợ chồng của ông, bà đã thật sự tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông H là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H và cho ông H được ly hôn với bà T là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.2. *Về con chung:* Ông H và bà T không có con chung.

2.3. *Về tài sản chung:* Không có.

2.4. *Về nợ chung:* Không có.

[3]. **Về án phí:** Ông H là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. **Về quyền kháng cáo:** Ông H và bà T được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

### **Xử:**

#### **1. Về quan hệ hôn nhân:**

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Phan Văn H.

Cho ông Phan Văn H được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

#### **2. Về con chung:** Không có.

#### **3. Về tài sản chung:** Không có.

#### **4. Về nợ chung:** Không có.

#### **5. Về án phí:**

- Ông H chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004005 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, nên xem như ông H đã thi hành xong phần án phí.

#### **6. Về quyền kháng cáo:**

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Bà T được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo qui định của pháp luật.

### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND thị trấn Cái Bè, H. Cái Bè, TG;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**PHẠM VĂN NHỊN**